

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 03 – 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Th Kính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út

2. Bà Trần Thị Kim Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TL.ST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T; địa chỉ: Ấp 2B, thị trấn Bảy Ngàn, Châu Thành A, Hậu Giang – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phi Th; địa chỉ: Ấp 2B, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Vào tháng 4 năm 2015, bà và ông Th được cha mẹ hai gia đình tác hợp, có tiền tới hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang ngày 30/8/2016. Hôn nhân hạnh phúc không lâu thì đôi bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau mất hạnh phúc, chồng thường xuyên sử dụng chất kích thích dù được khuyên bỏ nhưng không sửa đổi, đôi bên cũng hay bất đồng quan niệm sống và không hợp ý, chồng hay bạo lực với bà, nhiều lần vợ chồng nghiêm túc giải quyết những mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng hôn nhân vẫn không hạnh phúc, cuộc sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được từ đó bà và ông Th đã ly thân nhau từ đầu tháng 10 năm 2018 đến nay. Do đó nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Th. Về con chung: có 01 đứa con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường N (nữ) sinh ngày 29/12/2015, hiện cháu đang sống với bà, sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nghi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Nguyễn Phi Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ông Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Phi Th được ly hôn; Về con chung: tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Tường N (nữ) sinh ngày 29/12/2015 cho bà T nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà T và ông Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông Th phát sinh mâu thuẫn nên bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Th.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa bà T và ông Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào 03/8/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy Ngàn nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn như vợ chồng bất đồng quan niệm sống, không hợp ý, chồng hay đánh bà, ông Th thường xuyên dùng chất kích thích dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được từ đó bà và ông đã ly thân nhau từ đầu tháng 10 năm 2018 tháng đến nay. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng không được.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Th vắng mặt không lý do. Từ đó cho thấy ông Th không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình.

Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông Th là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Nguyễn Ngọc Tường N (nữ) sinh ngày 29/12/2015 từ nhỏ đã sống chung với bà T, sau khi vợ chồng ly thân thì cháu N do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, được chăm sóc chu đáo, bà T có nghề nghiệp ổn định.

Vì vậy, nhằm đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như ổn định về chỗ ở cũng như tâm sinh lý cho cháu N nên giao cháu cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Ông Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà T xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Phi Th.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường N (nữ) sinh ngày 29/12/2015 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Ông Nguyễn Phi Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018643 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà T đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Th Kính